| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>XÃ SÔNG VÀNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 1118/QĐ-UBND | *Sông Vàng, ngày 08 tháng 10 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự án: Xây dựng phòng bộ môn, phòng giáo viên, nhà vệ sinh, nhà để xe trường THCS Kim Đồng**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SÔNG VÀNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng xây dựng công trình, xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của HĐND xã Sông Vàng về điều chỉnh, bổ sung các dự án đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã Sông Vàng;*

*Căn cứ Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2026 của UBND xã Sông Vàng về Chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng phòng bộ môn, phòng giáo viên, nhà vệ sinh, nhà để xe trường THCS Kim Đồng;*

*Theo Kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán công trình: Xây dựng phòng bộ môn, phòng giáo viên, nhà vệ sinh, nhà để xe trường THCS Kim Đồng số 01-2026/BCTT-T.D.T ngày 09/9/2026 của Công ty TNHH Tín Khôi và Chứng thư thẩm định giá 087/2026/SG/HT09TĐ02794 ngày 16/9/2026 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Đầu tư Tài chính Bưu Điện (PTFV);*

*Theo Thông báo số 50/TB-TTCƯ ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Sông Vàng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng phòng bộ môn, phòng giáo viên, nhà vệ sinh, nhà để xe trường THCS Kim Đồng;*

Theo đề nghị của Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Sông Vàng tại Công văn số 149/TTCƯ-TĐDA ngày 29/9/2026 về việc kết quả Thẩm định Báo cáo kinh tế-Kỹ thuật dự án: Xây dựng phòng bộ môn, phòng giáo viên, nhà vệ sinh, nhà để xe trường THCS Kim Đồng và đề nghị của

Phòng Kinh tế xã Sông Vàng tại Công văn số 183/CV-KT ngày 07/10/2026 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1**. Phê duyệt dự án: Xây dựng phòng bộ môn, phòng giáo viên, nhà vệ sinh, nhà để xe trường THCS Kim Đồng với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng phòng bộ môn, phòng giáo viên, nhà vệ sinh, nhà để xe trường THCS Kim Đồng.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

- Thời hạn sử dụng công trình theo thiết kế: Theo quy định của pháp luật về phân cấp công trình xây dựng và hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

3. Mã định danh (nếu có): Dự án chưa được cấp mã định danh

4. Địa điểm xây dựng dự án: Xã Sông Vàng, thành phố Đà Nẵng.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Sông Vàng.

6. Chủ đầu tư: Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Sông Vàng.

7. Tổ chức tư vấn:

- Nhà thầu tư vấn Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Xây dựng và Thương mại Việt Song Khanh. Mã số doanh nghiệp: 0401504526.

- Nhà thầu tư vấn thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Tín Khôi. Mã số doanh nghiệp: 4001326900.

- Nhà thầu tư vấn thẩm định giá phần thiết bị: Chi nhánh Công ty CP Thẩm định giá và Đầu tư Tài chính Bưu Điện (PTFV). Mã số doanh nghiệp: 0103786339-002.

8. Mục tiêu dự án: Việc đầu tư xây dựng dự án sẽ góp phần hoàn thiện cơ sở vật chất của Trường THCS Kim Đồng theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông và nhu cầu học tập ngày càng tăng của học sinh trên địa bàn. Sau khi hoàn thành, dự án sẽ nâng cao hiệu quả quản lý khai thác và sử dụng tài sản công; cải thiện điều kiện giảng dạy, học tập và sinh hoạt của giáo viên, học sinh; tạo tiền đề để nhà trường duy trì và nâng cao các tiêu chí trường đạt chuẩn. Với quy mô đầu tư phù hợp với nhu cầu thực tế và khả năng cân đối nguồn lực, dự án bảo đảm tính khả thi, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, phát huy hiệu quả khai thác công trình sau đầu tư, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

9. Quy mô đầu tư:

9.1. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Phá dỡ dãy phòng học bộ môn 02 phòng 01 tầng (diện tích 188m$^2$), 01 nhà vệ sinh học sinh nam 01 tầng (diện tích 17,8m$^2$), 01 nhà vệ sinh học sinh nữ 01 tầng (diện tích 15,2m$^2$) để xây dựng các hạng mục:

+ Xây dựng Khối phòng học bộ môn - khu vệ sinh 03 tầng: Công trình dân dụng, cấp III, nhà 03 tầng, diện tích xây dựng theo diện tích mái: 424,6m$^2$. Công năng bố trí: 04 phòng học bộ môn; 01 phòng giáo viên và hội trường kết hợp; Khu vệ sinh các tầng. Hành lang, sảnh cầu thang khép kín. Kết cấu móng đơn, móng băng, cột, dầm, sàn, cầu thang… bê tông cốt thép đá 1x2 chịu lực. Sàn bê tông cốt thép đá 1x2 cấp độ bền B20. Sàn mái bằng bê tông cốt thép, trên lợp tôn sóng dày 0,45mm, xà gồ thép hộp. Tường thu hồi xây không trát, có giằng neo xà gồ. Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 75, toàn bộ tường trát vữa xi măng mác 75 dày 15mm, lăn sơn hoàn thiện. Tường khu vệ sinh ốp gạch 300mm x 600mm. Nền và sàn nhà lát gạch 600mm x 600mm, riêng khu vệ sinh lát gạch chống trượt 300mm x 300mm. Bậc cấp, bậc cầu thang hoàn thiện lát đá Granite tự nhiên. Cửa đi, cửa sổ, bằng nhôm kính. Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước hoàn chỉnh.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Phá dỡ nền bê tông hiện trạng, san lấp tạo mặt bằng xây dựng. Đổ bê tông nền sân trường hoàn trả. Hệ thống cấp điện, cấp nước ngoài nhà cấp cho công trình. Xây dựng 01 bể chứa nước 10,3m$^3$, kết cấu bể bê tông cốt thép mác 250.

9.2. Giải pháp thiết kế:

9.2.1 Giải pháp kiến trúc:

a. Giải pháp bố trí tổng mặt bằng:

- Ý tưởng về mặt bằng công trình bám sát theo khu đất hiện trạng và các khối nhà hiện trạng. Tổng mặt bằng được quy hoạch bố trí theo hình khối chữ U, mặt tiền quay ra hướng sân trường. Khối nhà xây mới được kết nối hành lang với khối giữa tạo hình chữ U, liên thông với khu vệ sinh.

- Khối phòng có các mặt hướng nhìn rộng, thoáng đem lại cảm giác thoải mái cho người sử dụng. Ngoài ra công trình được tôn lên hình ảnh mạnh mẽ và hiện đại bằng cách sử dụng những loại vật liệu và màu sắc thích hợp.

b. Giải pháp kiến trúc :

b.1. Về mặt bằng:

- Quy mô: Khối phòng học bộ môn - khu vệ sinh 03 tầng: Công trình dân dụng, cấp III, nhà 03 tầng, diện tích xây dựng theo diện tích mái : 424,6m$^2$, tổng diện tích sàn xây dựng 1061,2m$^2$. Tổng chiều cao công trình 14,7m, chiều cao tầng 01: 3,8m, chiều cao tầng 02, 03: 3,8m, chiều cao nền tầng 01 từ 0,45m đến 0,8m, chiều cao mái 2,5m.

* Tầng 1 :

+ Bố trí 01 phòng học bộ môn khoa học tự nhiên (hoá sinh) với diện tích 72m$^2$ và 01 phòng chuẩn bị với diện tích 20,1m$^2$.

+ Bố trí 01 phòng học bộ môn ngoại ngữ với diện tích 72m$^2$.

+ Bố trí 01 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt, với diện tích khu vệ sinh nam 13m$^2$, khu vệ sinh nữ 19,2m$^2$. Khu vệ sinh nam bố trí 02 buồng vệ sinh, 03 tiểu nam. Khu vệ sinh nữ bố trí 03 buồng vệ sinh.

+ Bố trí hành lang, 02 cầu thang bộ khép kín.

* Tầng 2:

+ Bố trí 01 phòng học bộ môn khoa học tự nhiên (vật lý) với diện tích 72m$^2$ và 01 phòng chuẩn bị với diện tích 20,1m$^2$.

+ Bố trí 01 phòng học bộ môn lịch sử, địa lý với diện tích 72m$^2$.

+ Bố trí 01 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt, với diện tích khu vệ sinh nam 13m$^2$, khu vệ sinh nữ 19,2m$^2$. Khu vệ sinh nam bố trí 02 buồng vệ sinh, 03 tiểu nam. Khu vệ sinh nữ bố trí 03 buồng vệ sinh.

+ Bố trí hành lang, 02 cầu thang bộ khép kín.

* Tầng 3:

+ Bố trí 01 phòng giáo viên và hội trường với diện tích 167m$^2$.

+ Bố trí 01 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt, với diện tích khu vệ sinh nam 13m$^2$, khu vệ sinh nữ 19,2m$^2$. Khu vệ sinh nam bố trí 02 buồng vệ sinh, 03 tiểu nam. Khu vệ sinh nữ bố trí 03 buồng vệ sinh.

+ Bố trí hành lang, 02 cầu thang bộ khép kín.

b.2 Tổ chức giao thông trong công trình:

- Theo chiều đứng: Bố trí 2 cầu thang bộ tại mỗi khối nhà, theo cự ly hợp lý cho khoảng cách gần nhất các phòng.

- Theo chiều ngang, các hành lang nối với thang bộ.

b.3 Tổ chức mặt đứng công trình:

* Mặt đứng:

- Tổng thể mặt đứng công trình thiết kế theo hình thức kiến trúc hiện đại, tương đồng với kiến trúc cũ do kết nối với khối cũ. Đồng thời kết hợp với cách bố trí cân đối làm cho công trình tăng thêm sự bề thế, uy nghiêm, phần đế được ốp gạch gốm bền màu theo thời gian.

* Cốt thiết kế:

- Quy mô 03 tầng; chiều cao 14,7m.

+ Chiều cao nền : Từ 0,45m đến 0,8m.

+ Chiều cao tầng 01 : 3,8m.

+ Chiều cao tầng 02 : 3,8m.

+ Chiều cao tầng 03 : 3,8m.

+ Chiều cao mái : 2,5m.

b.4 Giải pháp vật liệu, hoàn thiện trang trí:

* Phần ngoài nhà:

- Tường sơn màu.

- Kính cường lực dày 8mm.

- Chủ yếu sử dụng vật liệu tường xây sơn nước.

* Bên trong nhà:

- Trần bê tông: Sơn màu trắng.

- Trần khu vệ sinh: đóng trần thả thạch cao chống ẩm phủ PVC kích thước 600x600 để dễ sửa chữa và đi đường ống.

- Mái : Bê tông cốt thép đổ tại chỗ, kết hợp khung xà gồ thép mái tôn.

- Tường: Trong và ngoài nhà lăn sơn màu vàng sáng, trắng. Tường trụ sơn màu đậm.

- Hoàn thiện và trang trí :

+ Hệ thống cửa: sử dụng cửa nhôm hệ cửa nhôm Xingfa dày 1.4mm (Cửa sổ) - 2mm (Cửa đi) hoặc tương đương, kính cường lực dày 8mm,

- Gạch ốp lát :

+ Gạch lát nền: Sử dụng gạch Porcelain kích thước 600x600mm.

+ Gạch ốp tường khu vệ sinh: Sử dụng gạch ốp Ceramic 300x600mm

+ Gạch khu vệ sinh: Sử dụng gạch Porcelain 300x300mm.

+ Cầu thang lát đá Granite tự nhiên dày 2cm.

- Thiết bị vệ sinh: Thiết bị vệ sinh có chất lượng, thông số kỹ thuật tương đương theo yêu cầu thiết kế.

9.2.2. Giải pháp kết cấu :

+ Kết cấu móng đơn, móng băng kết hợp; cột, dầm, sàn, cầu thang… bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250) đá 1x2 chịu lực. Sàn mái cao trình +11,40m bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250) đá 1x2, trên lợp tôn sóng dày 0,45mm, xà gồ thép hộp mạ kẽm 100x50mm.

9.2.3. Giải pháp cấp điện chiếu sáng :

- Nguồn điện được lấy từ hệ thống điện của khu vực.

- Cáp điện nguồn đi nổi và ngầm trong ống bảo hộ vào công trình.

- Hệ thống điện được bảo vệ bằng aptômát nhiều cấp đóng cắt có chọn lọc.

- Hệ thống điện được thiết kế cho công trình nhà ở dân dụng. Yêu cầu tách riêng các nguồn điện cấp cho các phòng khác nhau. Các thiết bị có vỏ kim loại, tủ điện được nối với hệ thống nối đất lặp lại.

- Hệ thống điện phải đảm bảo an toàn, độ tin cậy cung cấp điện cao. Cáp nguồn cung cấp đến các hạng mục công trình được đi ngầm trong mương cáp và được luồn trong ống nhựa. Mỗi tầng có một tủ điện, từ tủ điện này phân tải đến các phòng làm việc hoặc phòng học.

- Nguồn điện cung cấp cho chiếu sáng, động lực trong và ngoài công trình đều đi ngầm tường, sàn hoặc đi trong ống kỹ thuật dấu trong trần.

- Hệ thống điều khiển và bảo vệ từng nhóm thiết bị đóng cắt, phải bố trí ở phòng bảng điện, tủ điện.

- Trong các phòng để dẫn điện đến các đèn, quạt dùng dây lõi đồng bọc PVC (Cu/XLPE/PVC) (1x1,5mm2), đến các ổ cắm dùng dây bọc (Cu/XLPE/PVC) (1x2.5mm2). Tất cả đều phải được luồn trong ống nhựa ruột thành cứng Ø16, Ø20 cho những phần đi âm trong tường. Riêng đối với sảnh và các phòng không có trần kỹ thuật, dây dẫn đến đèn, ổ cắm đều đi trong ống nhựa cứng Ø20 hoặc Ø16 chịu được áp lực về bơm bê tông, vì vậy những đường dây đi trong sàn bê tông cần phải được tiến hành đặt ống ngay sau khi buộc xong thép sàn để tránh hiện tượng đập phá ảnh hưởng đến kết cấu công trình.

9.2.4. Hệ thống thông tin liên lạc : Bố trí mạng Wifi, mạng LAN nội bộ cho các phòng học.

9.2.5. Giải pháp hạ tầng kỹ thuật :

- Phá dỡ 01 khối nhà lớp học 01 tầng và 01 khu vệ sinh học sinh 01 tầng hiện trạng.

- Hệ thống cấp và thoát nước đấu nối vào hệ thống đã có.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- TCVN 4419:1987 - Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản;

- TCVN 9437:2012 - Khoan thăm dò địa chất công trình;

- TCVN 9351:2012 - Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT);

- TCVN 2683:2012 - Đất xây dựng - Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu;

- TCVN 5747:1993 - Đất xây dựng - Phân loại;

- TCVN 9398:2012 - Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung và các tiêu chuẩn thí nghiệm đất hiện hành có liên quan.

- QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1:2023 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 10:2024/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng;

- TCVN 8794:2011 - Trường trung học - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 2737:2023 - Tải trọng và tác động;

- TCVN 5574:2018 - Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;

- TCVN 9362:2012 - Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;

- TCVN 4513:1988 - Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4474:1987 - Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9206:2012 - Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9207:2012 - Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Hệ thống chống sét áp dụng TCVN 9385:2012 - Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống, cùng các tiêu chuẩn kỹ thuật về hệ thống điện, nối đất được sử dụng trong hồ sơ thiết kế;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành khác có liên quan và quy định của ngành điện lực địa phương;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các văn bản khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án**: 9.154.760.000** đồng *(Bằng chữ: Chín tỷ một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng./.)*

*Trong đó:*

| | | |
|---|---|---|
| - Chi phí xây dựng | : | 7.329.756.000 đồng |
| - Chi phí thiết bị | : | 252.720.000 đồng |
| - Chi phí quản lý dự án | : | 323.180.000 đồng |
| - Chi phí tư vấn | : | 720.938.000 đồng |
| - Chi phí khác | : | 92.225.000 đồng |
| - Chi phí dự phòng | : | 435.941.000 đồng |

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước (theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 26/6/2026 của HĐND xã Sông Vàng về điều chỉnh, bổ sung các dự án đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã Sông Vàng).

- Dự kiến kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2028.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có)

- Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên: Dự án sử dụng nguồn lực, vật liệu và tài nguyên phù hợp với quy định của pháp luật.

- Yêu cầu phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư: Dự án thực hiện trên khu đất hiện có của Trường THCS Kim Đồng; không thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hồ sơ dự án.

16. Các nội dung khác: Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Sông Vàng có trách nhiệm:

- Hoàn thiện hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và các tài liệu có liên quan theo nội dung Quyết định này;

- Tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật;

- Thực hiện các thủ tục tiếp theo về thiết kế, dự toán, lựa chọn nhà thầu, hợp đồng, thi công, giám sát, nghiệm thu, thanh toán và quyết toán theo quy định;

- Tổ chức lưu trữ đầy đủ hồ sơ dự án;

- Thực hiện việc đóng dấu phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định;

- Thực hiện đầy đủ kiến nghị của Phòng Kinh tế tại Công văn số 183/CV-KT ngày 07/10/2026 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã Sông Vàng chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự xây dựng cơ bản theo đúng quy định hiện hành, quản lý thực hiện dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đảm bảo dự án được triển khai theo đúng quy định; chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các hạng mục, chủng loại vật liệu đảm bảo chất lượng, đơn giá phù hợp theo thị trường, tính chính xác khối lượng các công tác xây lắp; thanh quyết toán khối lượng phải theo khối lượng thực tế thực hiện, phù hợp với hồ sơ hoàn công toàn công trình, tránh khối lượng trùng lắp, áp dụng đơn giá thanh toán theo quy định hiện hành; triển khai thực hiện các nội dung đảm bảo đúng quy định; triển khai dự án đảm bảo chất lượng, an toàn.

2. Đơn vị tư vấn thiết kế chịu trách nhiệm: Thực hiện công tác giám sát tác giả theo quy định; phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình xây dựng (nếu có).

3. Đơn vị tư vấn thẩm tra, đơn vị tư vấn thẩm định giá và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ đầu tư về kết quả thực hiện công việc theo chức năng, nhiệm vụ và hợp đồng đã ký kết.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế xã, Giám đốc Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã, Trưởng phòng giao

dịch số 8 - KBNN khu vực XIII và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Tư**

phudx1 - 09/10/2026 14:28:29 - phudx1 - phudx1 - phudx1